TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH G**	**`CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 32/2020/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 12 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ksor H'N, sinh năm 1998

Địa chỉ: Bôn K, xã I S, thị xã A, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Nay T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bôn P, xã I R, thị xã A, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ksor H'N và anh Nay T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Ksor H'N và anh Nay T có 01 con chung là Ksor P, sinh ngày 13/9/2015.

Giao con chung là Ksor P cho chị Ksor H'N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ksor P thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Ksor H'N không yêu cầu anh Nay T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Về tài sản chung: Chị Ksor H'N và anh Nay T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Ksor H'N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ksor H'N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000559 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G. Chị Ksor H'N được trả lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA TX A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Dương Đình Mạnh